

Financial Accounting

IFRS 4th Edition

Weygandt ● Kimmel ● Kieso

Chương 6

HÀNG TỒN KHO

Mục tiêu học tập

- LO 1** Thảo luận cách phân loại và xác định hàng tồn kho.
- LO 2** Áp dụng các phương pháp dòng giá trị của hàng tồn kho và ảnh hưởng tài chính của chúng.
- LO 3** Chỉ ra ảnh hưởng của các sai sót hàng tồn kho đến báo cáo tài chính.
- LO 4** Giải thích việc trình bày BCTC và phân tích hàng tồn kho.

Mục tiêu học tập 1

Thảo luận cách phân loại và xác định hàng tồn kho

Phân loại và xác định hàng tồn kho

Công ty thương mại

1 loại :

- **Merchandise Inventory**

Gợi ý hữu ích

Bất kể phân loại theo cách nào, công ty báo cáo tất cả các hàng tồn kho trong tài sản ngắn hạn trên báo cáo tình hình tài chính.

Công ty sản xuất

3 loại :

- **Nguyên vật liệu**
- **Sản phẩm dở dang**
- **Thành phẩm**

Xác định số lượng hàng tồn kho

Thực hiện kiểm kê HTK vì 2 lý do:

Hệ thống KKTX

1. Kiểm tra tính chính xác của ghi nhận HTK.
2. Xác định số lượng HTK mất mát do lãng phí nguyên vật liệu, mất trộm trong cửa hàng hoặc nhân viên trộm cắp.

Hệ thống KKĐK

3. Xác định hàng tồn kho cuối kỳ.
4. Xác định giá vốn của hàng bán trong kỳ.

Kiểm kê hàng tồn kho

Liên quan đến việc đếm, cân hoặc đo lường mỗi loại HTK cuối kỳ

Được thực hiện,

- Khi DN đóng cửa hoặc kinh doanh chậm.
- Vào cuối kỳ kế toán.

Xác định quyền sở hữu của hàng hóa

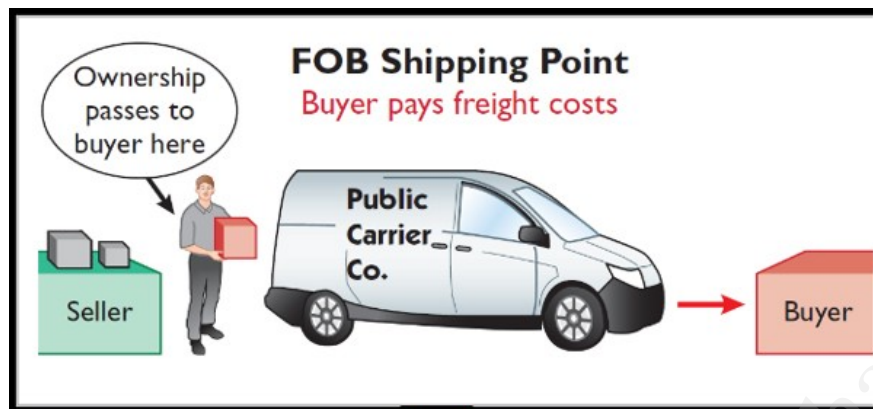
Hàng đang đi đường

- Mua hàng nhưng chưa nhận được
- Bán hàng nhưng chưa

Hàng đang đi đường bao gồm trong HTK của công ty có quyền sở hữu hàng hóa.

Quyền sở hữu được xác định bởi các điều khoản bán hàng.

Chi phí vận chuyển (2 of 5)



Quyền sở hữu hàng hóa chuyển giao sang cho người mua khi vận tải công cộng chấp nhận hàng hóa từ người bán.



Quyền sở hữu hàng hóa vẫn thuộc người bán cho đến khi hàng hóa được giao cho người mua.

Xác định quyền sở hữu của hàng

(3 of 5)

Câu hỏi ôn tập

Hàng mua đang đi đường bao gồm trong HTK của người mua khi:

- a. Vận tải công cộng chấp nhận hàng hóa từ người bán.
- b. Hàng hóa giao đến người mua.
- c. Điều khoản bán hàng là FOB destination.
- d. Điều khoản bán hàng là FOB shipping point.

Xác định quyền sở hữu của hàng

(3 of 5)

Câu hỏi ôn tập

Hàng mua đang đi đường bao gồm trong HTK của người mua khi:

- a. Vận tải công cộng chấp nhận hàng hóa từ người bán.
- b. Hàng hóa giao đến người mua.
- c. Điều khoản bán hàng là FOB destination.
- ➔ d. Điều khoản bán hàng là FOB shipping point.

Xác định quyền sở hữu của hàng gửi đi bán

Giữ hàng hóa bởi các bên khác và cố gắng bán hàng hóa cho họ với một khoản phí, nhưng chưa chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa.

Nhiều đại lý xe hơi, thuyền, và đồ cổ người bán bán hàng hóa dưới hình thức ký gửi. Tại sao?

Do It! 1: Quy định về quyền sở hữu

Deng nhập khẩu một số lượng hàng tồn. Tổng giá trị của nó là ¥200,000. Bạn được cung cấp thông tin liệt kê bên dưới. Thảo luận các thông tin này ảnh hưởng như thế nào đến hàng tồn kho được báo cáo.

1. Hàng hóa tồn kho của Deng bao gồm cả hàng hóa công ty Falls gửi bán, giá trị lô hàng là 15,000 yên.
2. Công ty không ghi nhận số hàng hóa đã mua với giá trị là 10.000 yên, số hàng này đang đi trên đường (Điều khoản: FOB shipping point).
3. Công ty không ghi nhận số hàng hóa đã bán với giá trị là 12.000 yên, số hàng này đang đi trên đường (Điều khoản: FOB shipping point).

Do It! 1: Quy định về quyền sở hữu

Đáp án (2 of 2)

1. Hàng hóa giá trị 15,000 yên được giữ do ký gửi trừ vào số lượng hàng tồn kho.
2. Hàng hóa giá trị 15,000 yên mua theo FOB shipping point cộng vào số lượng hàng tồn kho.
3. Đã xử lý đúng

Hàng tồn kho là 195,000 yên
(200,000 – 15,000 + 10,000)

Mục tiêu học tập 2

Áp dụng các phương pháp dòng giá trị của hàng tồn kho và ảnh hưởng tài chính của chúng

Phương pháp hàng tồn kho và ảnh hưởng tài chính

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. để có được hàng hóa và giá đơn vị áp dụng cho số lượng để xác định tổng giá trị của hàng tồn kho và giá vốn hàng bán bằng các phương pháp tính giá sau:

- Thực tế đích danh (Specific identification)
- Giả định dòng giá trị: Nhập trước xuất trước (First-in first-out) và Giá bình quân (Average-cost)

Thực tế đích danh (1 of 3)

Minh họa: Công ty truyền hình Crivitz mua ba TV 50 inch giống hệt nhau vào các ngày khác nhau với giá 700 bảng, 750 bảng và 800 bảng. Trong năm, Crivitz đã bán hai bộ với giá 1.200 bảng mỗi bộ. Nội dung này được tóm tắt dưới đây.

Mua vào

3/3

1 TV giá 700 bảng

5/3

1 TV giá 750 bảng

22/5

1 TV giá 800 bảng

Bán ra

1/6

2 TVs giá 2,400 bảng
(1,200 × 2)

Thực tế đích danh (2 of 3)

Nếu Crivitz bán TV mà họ đã mua vào ngày 3 tháng 2 và 22 tháng 5, thì giá vốn hàng bán của nó là 1.520 bảng (720 bảng + 800 bảng) và hàng tồn kho cuối kỳ của nó là 750 bảng.

Cost of Goods Sold

Ending Inventory



£1,520

Thực tế đích danh (3 of 3)

Phương pháp tính trong đó các mặt hàng vẫn còn trong kho được tính giá cụ thể để đạt được tổng giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ.

Thực tế tương đối hiếm.

Hầu hết các công ty đưa ra các giả định (giả định dòng giá trị) về đơn vị nào đã được bán.

Giả định dòng giá trị (1 of 6)

Có 2 phương pháp giả định dòng giá trị:

1. Nhập trước xuất trước (FIFO)
2. Giá bình quân

Dòng chi phí không cần phải phù hợp với sự biến động vật lý của hàng hóa.

Giả định dòng giá trị (2 of 6)

Minh họa : Dữ liệu của công ty Lin Electronics' Astro condensers.

<u>Ngày</u>	<u>Diễn giải</u>	<u>SL</u>	<u>Đơn giá</u> HK\$10	<u>Tổng</u>
1/1	Hàng tồn đầu kỳ	10	0	HK\$1,000
15/4	Mua	20	110	2,200
24/8	Mua	30	120	3,600
27/11	Mua	40	130	5,200
				<u>HK\$12,000</u>
	Tổng sẵn có để bán	100		0
	Số lượng hàng tồn cuối kỳ	<u>(45)</u>		
	Số lượng đã bán	55		

(HTK đầu kỳ + Mua trong kỳ) - HTK cuối kỳ = Giá vốn hàng bán

Giả định dòng giá trị (3 of 6)

Nhập trước xuất trước (FIFO)

Giá của hàng hóa mua vào trước sẽ được ghi nhận vào giá vốn của hàng bán trước.

Thường tương đương với dòng giá trị thực tế của hàng hóa

Các công ty xác định giá của hàng tồn kho bằng cách lấy giá đơn vị của lần mua gần nhất và thực hiện lùi lại cho đến khi tất cả số lượng hàng tồn kho đã được tính vào giá vốn.

Nhập trước xuất trước

GIÁ VỐN CỦA HÀNG SẴN ĐỂ BÁN

Ngày	Diễn giải	SL	Đơn giá	Giá trị
			HK\$10	HK\$1,000
1/1	Hàng tồn đầu kỳ	10	0	0
15/4	Mua	20	110	2,200
24/8	Mua	30	120	3,600
27/11	Mua	40	130	5,200

HK\$12.

BƯỚC 1: HÀNG TỒN KHO CUỐI KỲ

BƯỚC 2: GIÁ VỐN HÀNG BÁN

24/8	5	120	600	Trừ: HTK cuối kỳ	5,800
------	---	-----	-----	------------------	-------

HK\$5,

HK\$

Giả định dòng giá trị (4 of 6)

Giá bình quân

Phân bổ giá vốn hàng sẵn để bán theo đơn giá bình quân gia quyền phát sinh

Áp dụng đơn giá bình quân gia quyền của số lượng hàng tồn để tính trị giá của hàng tồn kho cuối kỳ

Giá bình quân (1 of 2)

GIÁ VỐN CỦA HÀNG SẴN ĐỂ BÁN

Ngày	Diễn giải	SL	Đơn giá	Giá trị
			HK\$10	HK\$1,000
1/1	Hàng tồn đầu kỳ	10	0	0
15/4	Mua	20	110	2,200
24/8	Mua	30	120	3,600
27/11	Mua	40	130	5,200

HK\$12,000

BƯỚC 1: HTK CUỐI KỲ

BƯỚC 2: GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Đơn

HK\$1200

45 HK\$1200 **HK\$5,400**

Giá vốn hàng bán
Trừ : HTK cuối kỳ

5,400
HK\$6,600

Báo cáo tài chính và tác động thuế của các phương pháp dòng giá trị

Một trong hai giả định dòng giá trị được chấp nhận sử dụng.

Lenovo (CHN) sử dụng phương pháp giá bình quân

Yingli Solar (CHN) sử dụng giá bình quân đối với một số nguyên vật liệu chính và FIFO đối với các HTK còn lại.

Ảnh hưởng báo cáo kết quả hoạt

Lin Electronics

Báo cáo kết quả hoạt động **tóm tắt**

	FIFO	Giá bình quân
		HK\$11,500
Doanh thu bán hàng	HK\$11,500	0
HTK đầu kỳ	1,000	1,000
Mua hàng	11,000	11,000
Giá vốn của hàng sẵn để bán	12,000	12,000
HTK cuối kỳ	5,800	5,400
Giá vốn của hàng bán	6,200	6,600
Lợi nhuận gộp	5,300	4,900
Chi phí hoạt động	2,000	2,000
Thu nhập trước thuế	3,300	2,900
Chi phí thuế thu nhập (30%)	990	870
Lợi nhuận thuần	HK\$ 2,310	HK\$ 2,030

Ảnh hưởng báo cáo tình hình tài chính (1 of 2)

Ưu điểm chính của phương pháp FIFO

là trong thời kỳ lạm phát, giá trị được phân bổ cho HTK cuối kỳ sẽ xấp xỉ giá hiện hành

Một hạn chế của phương pháp giá bình quân là trong thời kỳ lạm phát, giá trị được phân bổ cho HTK cuối kỳ có thể sẽ thấp hơn giá hiện hành

Ảnh hưởng đến thuế

Cả HTK và lợi nhuận thuần cao hơn khi công ty sử dụng **FIFO** trong thời kỳ lạm phát

Giá bình quân thì kết quả thuế thu nhập thấp hơn (bởi vì lợi nhuận thuần thấp hơn) trong thời gian giá tăng

Sử dụng nhất quán phương pháp dòng giá trị hàng tồn kho

Phương pháp nên sử dụng nhất quán, tăng cường khả năng có thể so sánh được

Mặc dù tính nhất quán được **ưu tiên**, công ty có thể thay đổi phương pháp tính giá hàng tồn kho

Giả định dòng giá trị (5 of 6)

Phương pháp dòng giá trị thường tương đương với giá trị thực tế của hàng hóa:

- a. Phương pháp FIFO
- b. Phương pháp LIFO
- c. Phương pháp giá bình quân
- d. Phương pháp lợi nhuận gộp

Giả định dòng giá trị (5 of 6)

Phương pháp dòng giá trị thường tương đương với giá trị thực tế của hàng hóa:

- ➔ a. Phương pháp FIFO
- b. Phương pháp LIFO
- c. Phương pháp giá bình quân
- d. Phương pháp lợi nhuận gộp

DO IT! 2: Phương pháp dòng giá trị

Các hồ sơ kế toán của Shumway Implements thể hiện các dữ liệu sau.

HTK đầu kỳ 4,000 đơn vị, đơn giá € 3

Mua 6,000 đơn vị, đơn giá € 4

Bán 7,000 đơn vị, đơn giá €12

Xác định giá vốn hàng bán trong kỳ sử dụng hệ thống HTK kiểm kê định kỳ, sử dụng (a) phương pháp FIFO, và (b) phương pháp giá bình quân.

DO IT! 2: Phương pháp FIFO

Xác định giá vốn hàng bán theo hệ thống HTK kiểm kê định kỳ.

GIÁ VỐN CỦA HÀNG SẴN ĐỂ BÁN

Ngày	Diễn giải	SL	Đơn giá	Giá trị
	HTK đầu kỳ	4,000	€ 3	€12,000
	Mua	6,000	4	24,000
		10,00		
	Tổng	0		€36,000

BƯỚC 1: HKT CUỐI KỲ

SL	giá	Giá trị	Trừ: HTK cuối kỳ	12,000
3,000	€4	€12,000		
			Giá vốn hàng bán	24,000

DO IT! 2: Giá bình quân

Xác định giá vốn hàng bán theo hệ thống HTK kiểm kê định kỳ.

GIÁ VỐN CỦA HÀNG SẴN ĐỂ BÁN

Ngày	Diễn giải	SL	Đơn giá	Giá trị
	HTK đầu kỳ	4,000	€ 3	€12,000
	Mua	6,000	4	24,000
		10,000		
	Tổng		Đơn giá bình quân	€36,000

BƯỚC 1: HKT CUỐI KỲ

BƯỚC 2: GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Đơn			
3,000	€3.60	€10,800	€25,200
		Giá vốn hàng bán	

Mục tiêu học tập 3

Chỉ ra ảnh hưởng của các sai sót hàng tồn kho đến báo cáo tài chính

Ảnh hưởng của sai sót hàng tồn kho

Nguyên nhân thường gặp:

Không kiểm kê hoặc giá HTK không chính xác

Không ghi nhận đúng việc chuyển giao quyền sở hữu sang hàng đang chuyển

Những sai sót ảnh hưởng đến cả báo cáo kết quả hoạt động và báo cáo tình hình tài chính

Ảnh hưởng báo cáo kết quả hoạt động (1 of 5)

Những sai sót của HTK ảnh hưởng đến việc tính toán của giá vốn hàng bán và lợi nhuận thuần

$$\text{HTK đầu kỳ} + \text{Giá hàng mua vào trong kỳ} - \text{HTK cuối kỳ} = \text{Giá vốn hàng bán}$$

Khi sai sót HTK:

HTK đầu kỳ khai thiếu
HTK đầu kỳ khai khống
HTK cuối kỳ khai thiếu
HTK cuối kỳ khai khống

Giá vốn hàng bán là:

Khai thiếu
Khai khống
Khai khống
Khai thiếu

Lợi nhuận thuần là:

Khai khống
Khai thiếu
Khai thiếu
Khai khống

Ảnh hưởng báo cáo kết quả hoạt động (2 of 5)

Những sai sót của HTK ảnh hưởng đến việc tính toán của giá vốn hàng bán và lợi nhuận thuần trong 2 kỳ.

Một sai sót HTK cuối kỳ của kỳ này sẽ có ảnh hưởng ngược chiều đến lợi nhuận thuần của kỳ kế toán sau

Trong hai năm, tổng lợi nhuận thuần là chính xác vì các lỗi bù trừ cho nhau

Hàng tồn kho cuối kỳ phụ thuộc hoàn toàn vào độ chính xác của việc lấy và tính giá hàng tồn kho

Ảnh hưởng báo cáo kết quả hoạt động (3 of 5)

	2019		2020	
	Sai	Đúng	Sai	Đúng
	€	€	€	€
Doanh thu	80,000	80,000	90,000	90,000
HTK đầu kỳ	20,000	20,000	12,000	15,000
Giá vốn hàng mua	40,000	40,000	68,000	68,000
Giá vốn hàng sẵn bán	60,000	60,000	80,000	83,000
HTK cuối kỳ	12,000	15,000	23,000	23,000
Lợi nhuận kết hợp trong thời gian 2 năm là chính xác.	(€3,000)		€3,000	
Giá vốn hàng bán	48,000	45,000	57,000	60,000
	Khai thiếu		Khai không	
Lợi nhuận gộp	32,000	35,000	33,000	30,000

Ảnh hưởng báo cáo kết quả hoạt động (4 of 5)

HTK cuối kỳ khai thiếu sẽ khai khống:

- a. Tài sản
- b. Giá vốn hàng bán
- c. Lợi nhuận thuần
- d. Vốn chủ sở hữu

Ảnh hưởng báo cáo kết quả hoạt động (4 of 5)

HTK cuối kỳ khai thiếu sẽ khai khống:

a. Tài sản

➔ b. Giá vốn hàng bán

c. Lợi nhuận thuần

d. Vốn chủ sở hữu

Ảnh hưởng báo cáo tình hình tài chính (2 of 2)

Ảnh hưởng của các sai sót HTK đến báo cáo tình hình tài chính được xác định thông qua phương trình cơ bản của kế toán: Tài sản = Nợ phải trả + Vốn chủ sở hữu.

Sai sót HTK cuối kỳ ảnh hưởng như sau.

Sai sót HTK cuối kỳ	Tài sản	Nợ phải trả	Vốn chủ sở hữu
Khai khống	Khai khống	Không ảnh hưởng	Khai khống
Khai thiếu	Khai thiếu	Không ảnh hưởng	Khai thiếu

DO IT! 3: Sai sót hàng tồn kho

Visual Designs khai khống HTK cuối kỳ 2019 NT\$22,000. Xác định ảnh hưởng của sai sót này đến HTK cuối kỳ, giá vốn hàng bán và vốn chủ sở hữu năm 2019 và 2020

Đáp án

	2019	2020
HTK cuối kỳ	NT\$22,000 Khai khống	Không ảnh hưởng
Giá vốn hàng bán	Giảm	Không ảnh hưởng
Vốn chủ sở hữu	Giảm 22,000 NT\$ cuối kỳ khống	Không ảnh hưởng

Mục tiêu học tập 4

Giải thích việc trình bày BCTC và phân tích hàng tồn kho

Trình bày và phân tích báo cáo tài

Trình bày (1 of 2)

Báo cáo tình hình tài chính – HTK được phân loại là tài sản ngắn hạn

Income Statement – Giá vốn hàng bán được trừ vào doanh thu

Cũng cần phải công bố:

1. Phân loại HTK chính
2. Cơ sở kế toán (giá gốc hoặc giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được)
3. Phương pháp tính giá (FIFO, hay giá bình quân)

Giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được (1 of 2)

Khi giá trị của HTK thấp hơn giá gốc

Công ty phải “ghi giảm” HTK xuống giá trị thuần của nó

Giá trị thuần có thể thực hiện được: Tổng giá trị công ty kỳ vọng thu được (nhận được từ bán HTK)

Ví dụ về nguyên tắc thận trọng

Giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được (2 of 2)

Minh họa : Giả sử rằng TV Gao có các dòng hàng hóa sau với giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được như đã chỉ ra.

	SL	Đơn giá	Giá trị thuần có thể thực hiện được/đơn vị	Giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được
Flat-screen TVs	100	NT\$600	NT\$550	(NT\$550 x 100)
Satellite radios	500	90	104	(NT\$90 x 500)
DVD recorders	850	50	48	(NT\$48 x 850)
DVDs	3,000	5	6	(NT\$5 x 3,000)
				NT\$155,80

Trình bày và phân tích báo cáo tài chính

Phân tích

Quản lý hàng tồn kho là con dao hai lưỡi

- 1. Mức tồn kho cao** - có thể phải chịu chi phí vận chuyển cao (ví dụ: đầu tư, lưu trữ, bảo hiểm, lỗi thời và thiệt hại)
- 2. Mức tồn kho thấp** - có thể dẫn đến hết hàng tồn kho và mất doanh số

Phân tích (1 of 2)

Vòng quay HTK bằng số lần bình quân HTK được bán trong một thời kỳ.

$$\text{Vòng quay HTK} = \frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{HTK bình quân}}$$

Số ngày tồn kho bằng số ngày bình quân HTK được nắm giữ.

$$\text{Số ngày tồn kho} = \frac{\text{Số ngày trong năm (365)}}{\text{Vòng quay HTK}}$$

Phân tích (2 of 2)

Minh họa: Esprit Holdings (HKG) báo cáo HTK đầu kỳ trong báo cáo năm hiện hành 3,209 triệu đô la Hồng Kông, HTK cuối kỳ 3,254 triệu đô la Hồng Kông, và giá vốn hàng bán 12,071 triệu đô la Hồng Kông. Minh họa 6.16 cho thấy công thức vòng quay hàng tồn kho và tính toán cho Esprit Holdings

Cost of Goods Sold	÷	Average Inventory	=	Inventory Turnover
HK\$12,071	÷	$\frac{\text{HK\$3,209} + \text{HK\$3,254}}{2}$	=	3.7 Times
				$365 \div 3.7 = \mathbf{98.6 \text{ Days}}$

DO IT! 4: Giá trị thuần có thể thực hiện được và vòng quay

HTK Poon Heaters bán ba loại bếp sưởi ấm gia đình khác nhau (gas, gỗ và viên). Chi phí và giá trị thuần có thể thực hiện được của các loại bếp như sau.

		<u>Giá gốc</u>	<u>GTT có thể</u>
t/hiện được			
Gas	NT\$ 84,000		NT\$ 79,000
Wood	250,000	280,000	
Pellet	112,000	101,000	

Xác định giá trị HTK của công ty theo cách tiếp cận giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được

Đáp án: Giá thấp nhất của mỗi loại là gas

NT\$79,000, wood NT\$250,000, and pellet

NT\$101,000 Tổng giá trị HTK là cộng các giá trị này

DO IT! 4: Vòng quay HTK (1 of 2)

Đầu năm 2020, Công ty Westmoreland chuyển sang hệ thống HTK kiểm kê kịp thời. Doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán và số lượng hàng tồn kho trong năm 2019 và 2020 được hiển thị bên dưới.

	<u>2019</u>	<u>2020</u>
Doanh thu bán hàng		NT\$2,000,000
		NT\$1,800,000
Giá vốn hàng bán	1,000,000	910,000
HTK đầu kỳ	290,000	210,000
HTK cuối kỳ	210,000	50,000

Xác định vòng quay HTK và số ngày tồn kho của năm 2019 và 2020.

DO IT! 4: Vòng quay HTK (2 of 2)

2019 2020

Doanh thu bán hàng NT\$2,000,000

NT\$1,800,000

Giá vốn hàng bán 1,000,000 910,000

HTK đầu kỳ 290,000 210,000

HTK cuối kỳ 210,000 50,000

2019

2020

Vòng
quay HTK

(NT\$290,000 +

4

(NT\$210,000 +

7

Số ngày
tồn kho

$365 \div 4 = \mathbf{91.3 \text{ Days}}$

$365 \div 7 = \mathbf{52.1 \text{ Days}}$

Mục tiêu học tập 5

Áp dụng các phương pháp dòng giá trị hàng tồn kho để ghi nhận HTK kê khai thường xuyên

Phụ lục 6A Phương pháp dòng giá trị hàng tồn kho trong hệ thống HTK kê khai thường xuyên

LIN ELECTRONICS					
Ngày	Diễn giải	SL	Đơn giá	Tổng giá trị	SL tồn
				HK\$	
1/1	HTK đầu kỳ	10	\$100	1,000	10
4/15	Mua	20	110	2,200	30
8/24	Mua	30	120	3,600	60
9/10	Bán	55			5
11/27	Mua	40	130	5,200	45
Minh họa: Tính toán giá vốn hàng bán và HTK cuối kỳ theo FIFO và giá bình.				HK\$12,000	0

Nhập trước, Xuất trước (FIFO) (2 of 2)

Ngày	Mua	Giá vốn hàng bán	
1/1			(
15/4	(20 @ \$110) HK\$2,200		(10 @ HK\$100)
			(10 @ HK\$110)
24/8	(30 @ \$120) HK\$3,600		(10 @ HK\$100)
			HK\$600
			(20 @ HK\$110,
			(30 @ HK\$120)
10/9		(10 @ HK\$100)	
		(20 @ HK\$110)	
		(25 @ HK\$120)	
		(5 @ HK\$120)	HK\$600

Giá bình quân (2 of 2)

Ngày	Mua	Giá vốn hàng bán		
1/1				
	(20 @			
15/4	HK\$110)	HK\$2,200	HK\$100.00 /)	3,200
	(30 @		160 @	HK\$
24/8	HK\$120)	HK\$3,600		
		(55 @	(5 @	HK\$
10/9		HK\$113.333)	HK\$113.333)	567
		HK\$6,233		
	(40 @		(45 @	HK\$5,7
27/10	HK\$130)	HK\$5,200	HK\$128.156)	67

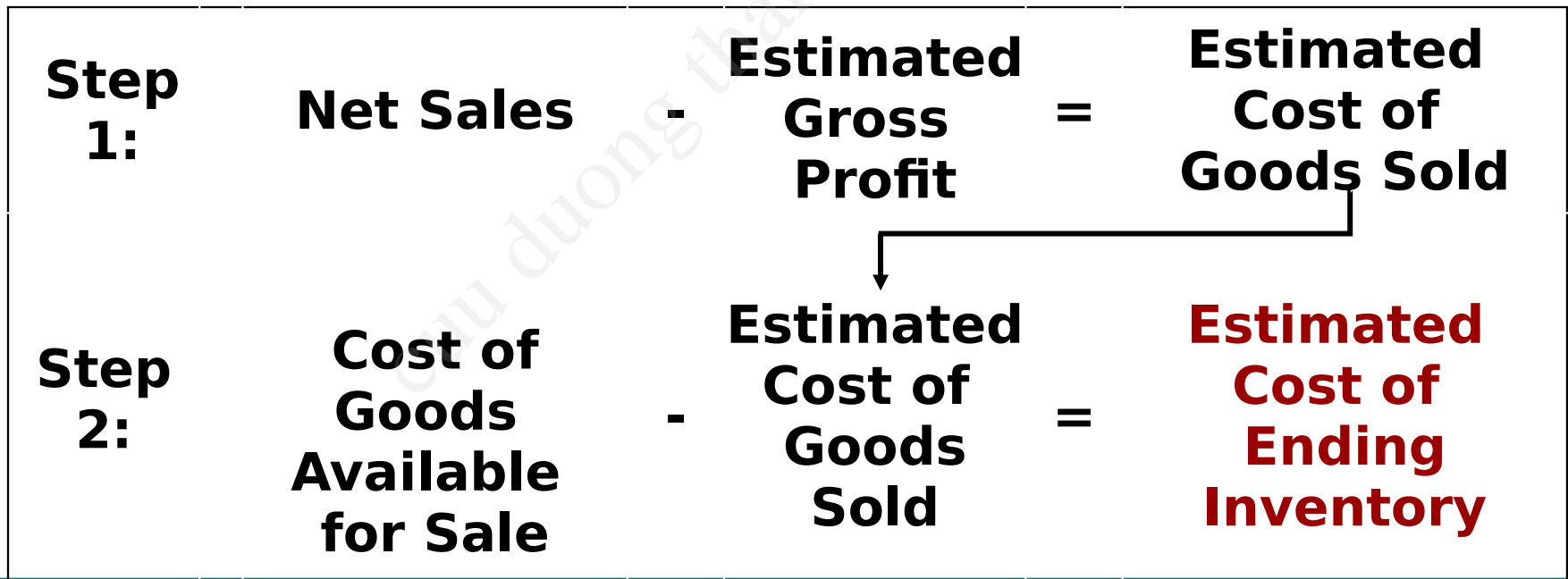
Mục tiêu học tập 6

Diễn giải 2 phương pháp ước tính hàng tồn kho

Phụ lục 6B Ước tính hàng tồn kho

Phương pháp lợi nhuận gộp

Phương pháp ước tính giá trị HTK cuối kỳ bằng tỷ lệ lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần



Phương pháp lợi nhuận gộp

(1 of 2)

Minh họa: Các hồ sơ kế toán của Công ty Kishw Bolog thể hiện doanh thu thuần là 200.000 đô la, HTK đầu kỳ 40.000 đô la và giá vốn của hàng mua là 120.000 đô la. Trong năm trước, công ty đã đạt tỷ lệ lợi nhuận gộp 30%. Công ty kỳ vọng sẽ đạt được tỷ lệ tương tự trong năm nay. Tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ vào ngày 31 tháng 1 theo phương pháp lợi nhuận gộp.

Phương pháp lợi nhuận gộp

(2 of 2)

Minh họa: Tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ vào ngày 31 tháng 1 theo phương pháp lợi nhuận gộp.

Bước 1:

	\$200,00
Doanh thu thuần	0
Trừ: Lợi nhuận gộp ước tính ($30\% \times \$200,000$)	60,000
	\$140,00
Giá vốn hàng bán ước tính	00

Bước 2:

	\$
HTK đầu kỳ	40,000
Giá vốn hàng mua vào	120,000
Giá vốn hàng sẵn để bán	160,000
Trừ: Giá vốn hàng đã bán ước tính	140,000

Phương pháp giá bán lẻ (1 of 2)

- Các công ty bán lẻ thiết lập mối quan hệ giữa giá vốn và giá bán
- Áp dụng tỷ lệ phần trăm giá gốc trên giá bán lẻ để tính hàng tồn kho cuối kỳ với giá bán lẻ chia cho giá gốc của hàng tồn kho

Bước 1:	Hàng hóa sẵn để bán theo giá bán lẻ	-	Doanh thu thuần	=	HTK cuối kỳ theo giá bán lẻ
Bước 2:	Hàng hóa sẵn để bán theo giá gốc	÷	Hàng hóa sẵn để bán theo giá bán lẻ	=	Tỷ lệ giá gốc/ giá bán lẻ
Bước 3:	HTK cuối kỳ theo giá gốc	x	Tỷ lệ giá gốc/ giá bán lẻ	=	Giá trị HTK cuối kỳ ước

Phương pháp giá bán lẻ (2 of 2)

Minh họa: Không cần thiết thực hiện kiểm kê HTK để xác định trị giá HTK cuối kỳ.

	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá bán lẻ</u>
		\$
HTK đầu kỳ	\$14,000	21,500
Hàng mua vào	61,000	78,500
Hàng sẵn để bán	<u>\$75,000</u>	<u>100,000</u>
Trừ: Doanh thu thuần		70,000
Bước (1) HTK cuối kỳ theo giá bán lẻ		\$
=		30,000

Bước (2) Tỷ lệ giá gốc/giá bán lẻ = $\$75,000 \div \$100,000 = 75\%$

Bước (3) Trị giá HTK cuối kỳ ước tính = $\$30,000 \times 75\% = \$22,500$

Mục tiêu học tập 7

Áp dụng phương pháp giá hàng tồn kho FIFO

Giả định dòng giá trị

Nhập sau, Xuất trước (LIFO)

Giá của hàng hóa mua vào mới nhất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trước

Ít khi trùng với dòng hàng hóa thực tế

Ngoại trừ bao gồm hàng hóa được lưu trữ thành đồng, chẳng hạn như than hoặc cỏ khô

Nhập sau, Xuất trước (LIFO)

GIÁ VỐN CỦA HÀNG SẴN ĐỂ BÁN				
Ngày	Diễn giải	SL	Đơn giá	Giá trị
1/1	HTK đầu kỳ	100	HK\$10	\$1,000
15/4	Mua	200	11	2,200
24/8	Mua	300	12	3,600
27/11	Mua	400	13	5,200
		<u>1,000</u>		<u>HK\$12,000</u>
	Tổng	0		

BƯỚC 1: HTK CUỐI KỲ

BƯỚC 2: GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Ngày	SL	Đơn giá	Giá trị
------	----	---------	---------

Giá vốn hàng bán

HK\$ 7,000

HK\$5,000

Tổng 450

Mục tiêu học tập 8

So sánh kế toán hàng tồn kho theo IFRS và U.S. GAAP

Theo U.S. GAAP (1 of 4)

Điểm chính

Điểm tương đồng

Các định nghĩa về hàng tồn kho về cơ bản là tương tự theo GAAP và IFRS. Cả hai đều xác định hàng tồn kho là tài sản được giữ để bán trong quá trình kinh doanh thông thường, trong quá trình sản xuất để bán (làm việc theo quy trình) hoặc được tiêu thụ trong sản xuất hàng hóa hoặc dịch vụ (ví dụ: nguyên liệu thô).

Ai sở hữu hàng hóa hàng hóa, hàng đang đi đường và hàng gửi bán, cũng như các khoản chi phí bao gồm trong hàng tồn kho về cơ bản được hạch toán giống nhau theo IFRS và GAAP.

Ngoại trừ LIFO theo GAAP, cả IFRS và GAAP đều sử dụng giá thấp hơn giữa giá gốc với giá trị thuần có thể thực hiện được để đánh giá hàng tồn kho.

Theo U.S. GAAP_(2 of 4)

Điểm chính

Điểm khác nhau

Cả GAAP và IFRS đều cho phép thực tế đích danh khi thích hợp. IFRS thực sự yêu cầu phương pháp thực tế đích danh được sử dụng trong đó các mặt không thể thay thế cho nhau (nghĩa là có thể được xác định cụ thể). Nếu các mặt hàng tồn kho không được xác định cụ thể được, một giả định dòng chi phí được sử dụng. GAAP không chỉ ra các tình huống cụ thể phải sử dụng thực tế đích danh.

Điểm khác biệt chính giữa IFRS và GAAP liên quan đến giả định dòng giá trị LIFO. GAAP cho phép sử dụng LIFO để đánh giá HTK. IFRS không cho phép sử dụng LIFO. IFRS chỉ cho phép sử dụng giả định dòng giá trị FIFO và giá bình quân.

Theo U.S. GAAP (3 of 4)

Điểm chính

Điểm khác nhau

IFRS thường yêu cầu hàng tồn kho là các sản phẩm nông nghiệp (ví dụ: trồng trọt và vật nuôi) trước thu hoạch phải được báo cáo với giá trị hợp lý trừ chi phí **xử lý (disposal)**. GAAP thường yêu cầu các mục này phải được ghi nhận theo giá gốc.

Theo U.S. GAAP (4 of 4)

Hướng tương lai

Vấn đề hội tụ sẽ khó giải quyết liên quan đến việc sử dụng giả định dòng giá trị LIFO. Như đã chỉ ra, IFRS đặc biệt cấm sử dụng LIFO. Ngược lại, giả định dòng giá trị LIFO được sử dụng rộng rãi ở Mỹ vì những lợi thế về thuế thu nhập. Ngoài ra, nhiều tranh luận cho rằng LIFO từ quan điểm báo cáo tài chính cung cấp sự phù hợp hơn giữa chi phí hiện hành so với doanh thu và do đó, cho phép các công ty tính thu nhập thực tế hơn.

Copyright

Copyright © 2019 John Wiley & Sons, Inc.

All rights reserved. Reproduction or translation of this work beyond that permitted in Section 117 of the 1976 United States Act without the express written permission of the copyright owner is unlawful. Request for further information should be addressed to the Permissions Department, John Wiley & Sons, Inc. The purchaser may make back-up copies for his/her own use only and not for distribution or resale. The Publisher assumes no responsibility for errors, omissions, or damages, caused by the use of these programs or from the use of the information contained herein.